

Liêm; phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp; phía nam giáp huyện Tam Bình và huyện Vũng Liêm; phía bắc giáp sông Tiền Giang và thị xã Vĩnh Long.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Cửu Long và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 47-HĐBT ngày 24-4-1986 về giá bán lẻ ổn định một số mặt hàng tiêu dùng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Thi hành Nghị quyết số 31-HĐBT ngày 28-3-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về những chủ trương, biện pháp cấp bách để triển khai thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 24-2-1986 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Điều lệ quản lý giá bán hành kèm theo Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Vật giá của Chính phủ,

BẢNG GIÁ BÁN LẺ ổn định chuẩn của Nhà nước về một số mặt hàng tiêu dùng

(ban hành kèm theo Quyết định số 47-HĐBT ngày 24-4-1986 của Hội đồng Bộ trưởng).

Mặt hàng	Quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Mức giá bán lẻ mới
1. Vải phin trắng Nam Định	Ký hiệu 6060, sợi Nm 34 × 54, mật độ 28 × 23, khổ 0,80 mét	đ/mét	14,00
2. Vải Calico Hồng Gấm	Sợi Na 20 × 30, mật độ 28 × 23, khổ 0,80 mét	đ/mét	14,00
	— Trắng	đ/mét	15,00
	— Các màu	đ/mét	15,00
3. Vải kaki	Ký hiệu 5434, sợi Nm 54/2 × 36, mật độ 40 × 22, khổ 0,75m, nhuộm xanh, hoàn nguyên, có làm bóng	đ/mét	30,00
4. Vải KT. 4000 trắng	Sợi Na Péco 45 × 45; mật độ 46 × 27; khổ 0,90 mét	đ/mét	32,00

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh giá bán lẻ ổn định chuẩn của Nhà nước về một số mặt hàng tiêu dùng như bảng giá kèm theo Quyết định này.

Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Nội thương căn cứ mức giá chuẩn trên, quy định giá bán lẻ cụ thể các sản phẩm khác cùng loại.

Điều 2. — Ở những nơi tình hình cung cầu còn căng thẳng, thị trường, giá cả đang biến động thì mức giá quy định tại điều 1 được áp dụng bán cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và những người có quan hệ hợp đồng kinh tế với Nhà nước theo phương thức thích hợp.

Điều 3. — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1986. Các quy định trước đây của Trung ương và địa phương trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU